| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 125/2019/HC-PT
Ngày 05 tháng 4 năm 2019
V/v Yêu cầu hủy quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Xuân Minh.

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Thành Văn

Bà Trần Thị Thu Thủy

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Quốc Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh*:** Ông Vũ Hồng Cường - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 237/2018/TLPT-HC ngày 29 tháng 05 năm 2018 về việc "Yêu cầu hủy quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư".

Do bản án hành chính sơ thẩm số 47/2018/HC-ST ngày 02/03/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 246/2019/QĐPT ngày 18 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm: 1956;

Địa chỉ: ấp 5, xã A, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Lê Hà M

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Ch: Luật sư Trương Thị Minh Th – có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi bản luận cứ kèm theo

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trịnh Phước Tr - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn A.

Địa chỉ trụ sở chính: Quốc lộ 1A, xã L, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trầm Cẩm L - Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn M, sinh năm: 1963;

Địa chỉ: đường L1, Phường 8, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Vào ngày 18/01/2017, Ủy ban nhân dân huyện T (UBND huyện T) ban hành Quyết định 356/QĐ-UBND với nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do thu hồi đất của bà Nguyễn Thị Ch để thực hiện dự án hạ tầng khu công nghiệp A. Tổng cộng số tiền bồi thường là 1.711.515.937đ, bà Ch đã nhận tiền bồi thường xong. Bà Ch không đồng ý giá trị bồi thường vì giá trị đất chưa đúng với thực tế, chưa xem xét vị trí đất và các khoản hỗ trợ khác chưa đúng quy định của pháp luật hiện hành. Do đó, bà Nguyễn Thị Ch khởi kiện yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định 356/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 của UBND huyện T để ban hành quyết định bồi thường theo đúng quy định pháp luật.

*Người bị kiện – UBND huyện T do ông Trịnh Phước Tr đại diện theo ủy quyền trình bày ý kiến như sau:*

Thực hiện chủ trương thu hồi đất để đầu tư hạ tầng khu công nghiệp A, UBND huyện T đã thực hiện các thủ tục theo quy định và thực hiện kê biên, áp giá, ban hành các quyết định bồi thường cho các hộ dân có đất và tài sản trên đất trong khu công nghiệp A. Trong quá trình ban hành quyết định thu hồi đất năm 2008 và quyết định bồi thường, các hộ dân trong đó có hộ bà Ch đã khiếu nại và Tòa án nhân dân các cấp tỉnh Long An giải quyết và đã tuyên hủy các quyết định bồi thường đối với 82 hộ dân trong đó có hộ bà Ch. Đến ngày 12/01/2017 UBND tỉnh Long An ban hành Quyết định 148/QĐ-UBND về việc phê duyệt lại hệ số điều chỉnh đơn giá đất bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để giải phóng mặt bằng xây dựng khu công nghiệp A trên địa bàn xã A, huyện T. Ngày 18/01/2017, UBND huyện T ban hành Quyết định số 353/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ, tái định cư cho từng hộ. Theo đó, UBND huyện T ban hành Quyết định 356/QĐ-UBND với nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do thu hồi đất của bà Ch để thực hiện dự án hạ tầng khu công nghiệp A. Tổng cộng số tiền bồi thường là 1.711.515.937đ (mức bồi thường cũ là 520.942.549đ), bà Ch đã nhận đủ số tiền bồi thường. UBND huyện T xác định đã thực hiện bồi thường đúng theo quy định pháp luật nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ch.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Công ty TNHH A do ông Trần Văn M đại diện theo ủy quyền có ý kiến trình bày:*

Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và xin Tòa án xét xử vụ án vắng mặt Công ty TNHH A.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Lê Bảo Q đại diện theo ủy quyền của khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thời hiệu áp dụng Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ để xem xét cho người dân được thỏa thuận với nhà đầu tư về giá bồi thường. Xem xét vị trí đất nông nghiệp của bà Ch là đất nông nghiệp nằm xen kẽ khu dân cư để có hỗ trợ theo loại đất nông nghiệp xem kẽ khu

dân cư quy định tại Nghị định 69/2009/NĐ-CP của Chính phủ năm 2009. Giá bồi thường đất thấp nhưng giá nền tái định cư lại bán quá cao, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp 0,4 là quá thấp cần xem xét áp dụng mức hỗ trợ 1,5 theo quy định phê duyệt năm 2008. Đề nghị xem xét lỗi tái định cư chậm của nhà đầu tư và chính quyền chậm nhưng lại để người dân chịu thiệt thòi vào chi phí đầu tư hạ tầng khu tái định cư. Vì vậy, đề nghị hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ch và hủy toàn bộ Quyết định 356/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 của UBND huyện T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện T xác định việc UBND huyện T áp dụng Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ là có căn cứ. Bởi lẽ, khi UBND tỉnh Long An phê duyệt phương án bồi thường thì thời điểm này Nghị định 197/CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ hết hiệu lực và điều khoản chuyển tiếp của Nghị định 47/2014/NĐ-CP cũng quy định dự án trên phải áp dụng theo Nghị định 47/2014/NĐ-CP để có lợi cho các hộ dân bị thu hồi đất trong khu công nghiệp A. Ngoài ra, việc áp dụng các quy định của UBND tỉnh Long An  gồm Quyết định 56/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 thay thế Quyết định 28/QĐ-UBND ngày 08/8/2008, Quyết định 57/QĐ-UBND ngày 18/10/2016 và Quyết định 58/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 của UBND tỉnh Long An là hoàn toàn có lợi cho các hộ dân trong đó có hộ bà Ch nên đề nghị bác đơn khởi kiện của bà Ch.

*Bản án hành chính sơ thẩm số 47/2018/HC-ST ngày 02/03/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định:*

Căn cứ Điều 30, Điều 32 và Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Điều 74, Điều 75, Điều 83 và Điều 86 Luật đất đai; Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ch về việc yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của Ủy ban nhân dân huyện T.

Quyết định 356/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T ban hành là đúng quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 02/03/2018, bà Nguyễn Thị Ch kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu chấp nhận nội dung đơn kiện, hủy quyết định số 356 ngày 18/01/2017 cuủa Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Người bị kiện giữ nguyên yêu cầu như tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành đúng quy định về tố tụng. Án sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án hành chính đúng trình tự thủ tục. Về nội dung giữ nguyên quyết định xử phạt hành chính của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ. Bà Nguyễn Thị Ch

kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ mới nào, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và Viện kiểm sát.*

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà Nguyễn Thị Ch kháng cáo trong thời hạn luật định nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung:

Xét tính hợp pháp của Quyết định số 356 ngày 18/01/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

[2.1] Hội đồng xét xử xét cấp sơ thẩm nhận định:

Thực hiện dự án khu công nghiệp A, UBND huyện T đã ban hành các quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường cho các hộ dân trong đó có hộ bà Ch từ năm 2007-2008. Các quyết định bồi thường của UBND huyện T chưa đúng quy định pháp luật được Tòa án nhân dân các cấp tỉnh Long An giải quyết đã tuyên hủy các Quyết định bồi thường số 2202/QĐ-UBND ngày 19/10/2007, Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 22/01/2010 và Quyết định 3505/QĐ-UBND ngày 14/6/2013 của UBND huyện T đối với bà Ch. Đến ngày 12/01/2017 UBND tỉnh Long An ban hành Quyết định 148/QĐ-UBND về việc phê duyệt lại hệ số điều chỉnh đơn giá đất bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để giải phóng mặt bằng xây dựng khu công nghiệp A trên địa bàn xã A, huyện T. Ngày 18/01/2017, UBND huyện T ban hành Quyết định số 353/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ, tái định cư cho từng hộ. Theo đó, UBND huyện T ban hành Quyết định 356/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 với nội dung bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do thu hồi đất của bà Ch để thực hiện dự án hạ tầng khu công nghiệp A. Tổng cộng số tiền bồi thường là 1.711.515.937đ (mức bồi thường nhận năm 2007 là 520.942.549đ), bà Ch đã nhận đủ số tiền bồi thường. Do đó, về thẩm quyền và trình tự ban hành Quyết định 356/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 của UBND huyện T là hoàn toàn đúng trình tự và thẩm quyền theo quy định của khoản 2 Điều 66 và Điều 69 Luật đất đai năm 2013.

Về yêu cầu xem xét giá trị quyền sử dụng đất nông nghiệp và đất thổ cư: Xét thấy, UBND huyện T có đề xuất trưng cầu Công ty Cổ phần thông tin và thẩm định giá M để xác định giá trị đất trên thị trường trong điều kiện bình thường theo thời điểm bồi thường cho bà Ch và được UBND tỉnh Long An họp dân, niêm yết và phê duyệt theo Quyết định 148/QĐ-UBND ngày 12/01/2017 là hoàn toàn phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật đất đai năm 2013. Việc người đại diện theo ủy quyền của bà Ch cho rằng UBND huyện T áp giá không đúng quy định pháp luật nhưng không có căn cứ chứng minh nên không xem xét chấp nhận. Bởi lẽ, người đại diện theo ủy quyền của bà Ch đưa ra Chứng thư thẩm định giá của Công ty định giá định giá trị đất của ông Lê Văn Th và một số hợp đồng chuyển nhượng đất không thể căn cứ làm cơ sở cho việc áp giá bồi thường theo yêu cầu của bà Ch. Dù ông Quốc đại diện theo ủy quyền của bà Ch viện dẫn Nghị định 197/2004/NĐ-CP

nhưng chính khoản 1 Điều 9 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 và khoản 2 Nghị định 17/2006/NĐ-CP ngày 27/01/2006 của Chính phủ quy định đất xây dựng khu công nghiệp do Nhà nước thu hồi và giá đất để tính bồi thường là giá đất do UBND tỉnh quy định hằng năm. Trường hợp giá đất này chưa sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường thì UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định giá đất cho phù hợp. Vì vậy, người khởi kiện cho rằng UBND huyện T không tạo điều kiện cho hộ dân có đất bị thu hồi được thỏa thuận với chủ đầu tư là không có cơ sở chấp nhận. Hơn nữa, thời điểm bồi thường thì Nghị định 197/2004/NĐ-CP không còn hiệu lực nên UBND huyện Trụ căn cứ Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 là hoàn toàn phù hợp. Và mức giá của UBND huyện T áp dụng cũng cao hơn mức giá đất được UBND tỉnh Long An quy định hằng năm tại thời điểm bồi thường.

Về yêu cầu xem xét giá trị tài sản trên đất, ông Quốc đại diện theo ủy quyền của bà Ch cho rằng khi bồi thường thì hơn 10 năm từ khi thu hồi đến nay tài sản không còn nên việc áp giá là không còn chính xác. Tuy nhiên, người bị kiện khẳng định việc xác định tài sản theo biên bản kiểm kê năm 2007 đến nay áp dụng bảng giá theo quy định tại Quyết định 57/QĐ-UBND ngày 18/10/2016 quy định đơn giá bồi thường thiệt hại đối với cây trồng, vật nuôi là thủy sản khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Long An và Quyết định 58/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 của UBND tỉnh Long An quy định đơn giá xây dựng mới loại nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc và đơn giá mồ mả trên địa bàn tỉnh Long An là hoàn toàn phù hợp pháp luật và hoàn toàn có lợi cho bà Ch. Do đó, yêu cầu khởi kiện về giá trị tài sản là không có căn cứ chấp nhận.

Về yêu cầu xem xét các khoản hỗ trợ khác, người đại diện theo ủy quyền của bà Ch xác định mức hỗ trợ di dời 10.000.000đ là thấp, không đủ chi phí thuê vận chuyển và thuê tháo dỡ di dời. Ngoài ra, mức hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp 0,4 là quá thấp so với quy định của Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ. Xét thấy, mức hỗ trợ di dời và mức hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp được UBND huyện T áp dụng trên cơ sở Quyết định 148/QĐ-UBND ngày 12/01/2017 và Quyết định 56/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 của UBND tỉnh Long An quy định bồi thường trên toàn địa bàn tỉnh Long An hoàn toàn phù hợp quy định Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Các khoản hỗ trợ trên không do UBND huyện T tự quyết định mà phải căn cứ trên sự phê duyệt của UBND tỉnh Long An và mức 0,4 do UBND tỉnh Long An quy định trên toàn địa bàn tỉnh Long An cũng không trái luật. Bởi lẽ, quy định của Chính phủ mức hỗ trợ không quá 5 lần mà không quy định mức tối thiểu nên Hội đồng xét xử không thể chấp nhận yêu cầu này của người khởi kiện.

Về yêu cầu xem xét đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư thì căn cứ vào bản đồ quy hoạch chi tiết xã A thì vị trí đất nông nghiệp của bà Ch không phải là đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư, không có quy hoạch khu dân cư, không có phê duyệt khu dân cư của cấp có thẩm quyền. Do đó, UNBD huyện T không xem xét hỗ trợ cho bà Ch như trường hợp đất nông nghiệp xen kẽ khu dân cư là hoàn toàn có căn cứ.

Về yêu cầu xem xét giá nền tái định cư, đại diện theo ủy quyền của bà Ch xác định giá bán nền tái định cư của nhà đầu tư thay đổi mà không áp dụng giá phê

duyệt bán nền năm 2008 là ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của bà Ch. Người bị kiện xác định giá bán nền tái định cư thay đổi là do ảnh hưởng của nhà đầu tư trước đó là Công ty thép L (nay là Công ty TNHH A) năng lực kém cùng việc khiếu kiện của người dân bị thu hồi đất làm khu tái định cư kéo dài phải tăng kinh phí bồi thường bổ sung cho khu tái định cư nên ảnh hưởng tiến độ thi công cơ sở hạ tầng của khu tái định cư. Hiện nay, khu tái định cư vẫn chưa hoàn thành nhưng nhà đầu tư khu tái định cư mới hiện nay là Công ty TNHH A đang đầu tư. Do các chính sách được bồi thường theo giá mới cao hơn giá bồi thường năm 2008 nên giá đầu tư suất tái định cư cũng phải được điều chỉnh theo bảng giá do suất tái định cư được UBND tỉnh Long An phê duyệt tại thời điểm bồi thường. Xét thấy, việc mua nền tái định cư không phải là sự bắt buộc mà là sự thỏa thuận của nhà đầu tư dành cho bà Ch quyền lựa chọn nhận tiền hay nhận nền tái định cư khi bị thu hồi đất ở. Hơn nữa, từ năm 2008 đến nay thì bà Ch cũng chưa đóng tiền mua nền tái định cư, chưa giao đất và trường hợp bà Ch không đồng ý mua nền tái định cư thì cũng có thể nhận tái định cư bằng tiền. Trước đây theo phê duyệt cũ năm 2008 thì mức hỗ trợ tái định cư bằng tiền là 70.000.000đ, nay theo phương án mới tại thời điểm 2017 thì mức nhận tiền tái định cư là 177.220.000đ cũng hoàn toàn có lợi cho bà Ch. Hơn nữa, suất tái định cư bằng tiền và giá tái định cư do UBND huyện T áp dụng là hoàn toàn phù hợp Điều 27 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Do đó, yêu cầu của bà Ch là không có căn cứ xem xét chấp nhận.

Về yêu cầu xem xét mua nền ưu đãi, do bà Ch bị mất 96% đất nông nghiệp thì theo phương án năm 2008 bà Ch được mua hoặc nhận tiền nền ưu đãi theo Quyết định 28/2008/QĐ-UBND của UBND tỉnh Long An. Hiện tại, Quyết định 56/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 của UBND tỉnh Long An có hiệu lực nên vấn đề nền ưu đãi cho đất nông nghiệp không còn triển khai nên việc UBND huyện T không giải quyết nền ưu đãi cho đất nông nghiệp là hoàn toàn phù hợp vì suất tái định cư và tiền nhận tái định cư bằng tiền tăng hoàn toàn có lợi cho bà Ch nên không xem xét yêu cầu này của bà Ch.

Về yêu cầu bồi thường diện tích bị thiếu, ông Q đại diện theo ủy quyền của bà Ch cho rằng UBND huyện T bồi thường thiếu của bà Ch diện tích 1.634m$^2$. Người bị kiện cho rằng diện tích 1.634m$^2$ mà ông Q nêu đã được UBND huyện T ban hành Quyết định số 393/QĐ-UB ngày 13/6/2005 thu hồi để làm đê bao xã A, huyện T và ban hành Quyết định bồi thường số 416/QĐ-UB ngày 20/6/2005 với số tiền 11.524.400đ (gồm giá trị quyền sử dụng đất 9.836.400đ; giá trị tài sản trên đất 1.688.000đ). Bà Ch xác định đã có nhận số tiền trên nhưng bà không đồng ý. Tuy nhiên, bà Ch không khiếu nại, khởi kiện và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền chưa chỉnh lý biến động trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Ch nên bà Ch mới yêu cầu bồi thường. Xét thấy, diện tích 1.634m$^2$ đất mà bà Ch cho rằng bị thiếu nhưng thực tế đã nằm trong dự án khác từ năm 2005 và đã được bồi thường xong nên việc bả Ch yêu cầu xem xét bồi thường bổ sung diện tích 1.634m$^2$ trong dự án khu công nghiệp A là không có căn cứ.

Bà Nguyễn Thị Ch khởi kiện nhưng không có căn cứ chứng minh Quyết định 356/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 của UBND huyện T ban hành trái pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ch

về việc yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của UBND huyện T.

Quyết định 356/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 của UBND huyện T ban hành là đúng quy định pháp luật.

[2.2] Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy, án sơ thẩm đã nhận định và quyết định như nêu trên là có cơ sở pháp luật. Bà Nguyễn Thị Ch kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu của mình nên không được chấp nhận. Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên bà phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Bởi lẽ đó nên giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cấp cao.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ch, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 47/2018/HC-ST ngày 02/03/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Căn cứ Điều 30, Điều 32 và Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Điều 74, Điều 75, Điều 83 và Điều 86 Luật đất đai; Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ch về việc yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của Ủy ban nhân dân huyện T.

Quyết định 356/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 của Ủy ban nhân dân huyện T ban hành là đúng quy định pháp luật.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ch phải nộp 300.000đ tiền án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ vào án phí tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0001177 ngày 06/3/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tối cao(1);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Long An (1);
- VKSND tỉnh Long An (1);
- Cục THADS tỉnh Long An (1);
- Đương sự (3);
- Lưu VP(3), HS(1), NQB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Xuân Minh**